

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 14 - 8 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tấn và bà Trần Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐ-ST ngày 29/7/2024, giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: Tô E, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Đường P, tòa nhà F, cửa số D, phòng B, quận L MockBa, Liên Bang N. Người đại diện theo ủy quyền của anh N để giao nhận tài liệu, văn bản: Anh Đỗ Minh T và chị Nguyễn Thị H; cùng địa chỉ: L, dự án tổ hợp TM, DV và CHCC H, phường Đ, quận N, Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Tô E, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Chị L hiện nay đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng không rõ địa chỉ cụ thể.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trịnh Thị Q, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Người đại diện theo ủy quyền của bà Q để giao nhận tài liệu, văn bản: Ông Nguyễn Văn S; địa chỉ: Số D, T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, văn bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ, nội dung vụ án được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **N** và chị **L** kết hôn ngày 27/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường **T**, thành phố **P**, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012 chị **L** đi nước ngoài làm việc, từ đó chị **L** không còn quan tâm chăm sóc gia đình, tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2013 vì lý do kinh tế anh **N** cũng đi sang Liên bang **N** lao động. Do mỗi người ở một nơi nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mặc dù được gia đình hai bên cố gắng vun đắp nhưng tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do hai vợ chồng đã ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh **N** làm đơn xin được ly hôn với chị **L**.

Về con chung: Anh **N** và chị **L** sinh được một người con chung là cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 28/12/2007 hiện cháu đang ở với bà ngoại **Trịnh Thị Q**.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị tự thoả thuận với nhau, do vậy không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh **Nguyễn Văn N** tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự từ chối hòa giải, anh **N** xin giải quyết vụ án vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của bà **Trịnh Thị Q** xác định chị **Nguyễn Thị L** là con gái của bà, chị **L** và anh **N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, năm 2012 chị **L** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng bà không biết rõ địa chỉ hai mẹ con chỉ trao đổi qua điện thoại. Sau khi bản thân bà nhận được thông báo của Tòa án về việc anh **N** xin ly hôn với chị **L**, bà đã thông báo cho chị **L**, chị **L** cũng nhất trí tuy nhiên chị **L** không làm văn bản gửi về cho Tòa án được mà chỉ nói đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với cháu **Nguyễn Bảo A** đang ở cùng với bà, hiện cháu đang học lớp 11, bản thân cháu được bà chăm sóc đầy đủ, chị **L** vẫn thường xuyên gửi tiền về để nuôi cháu, để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu bà đề nghị Tòa án giao cháu **Bảo A** cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị **L** ở nước ngoài bà nhất trí thay chị **L**

nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi chị **L** về nước và không yêu cầu anh **N** phải chấp dưỡng nuôi cháu **Bảo A**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên toà phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử cho ly hôn giữa anh **Nguyễn Văn N** và chị **Nguyễn Thị L**. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 28/12/2007 cho chị **Nguyễn Thị L** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu **Nguyễn Bảo A** đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập, anh **N** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Bảo A** với số tiền 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 14/8/2024 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh **Nguyễn Văn N** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Văn N** về tranh chấp hôn nhân và gia đình do anh **N** ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà **Trịnh Thị Q** là mẹ đẻ của chị **Nguyễn Thị L**, bà **Q** cam kết đã thông báo văn bản tố tụng cho chị **L**. Do bà **Q** và anh **N** không cung cấp được cụ thể địa chỉ nơi làm việc của chị **L** nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày

16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh **N** và chị **L** theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **N** bà chị **L** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **T**, thành phố **P**, tỉnh **Hà Nam** ngày 27/5/2009 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh **N** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh **N** xin được ly hôn với chị **L** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh **N** xác định vợ chồng anh chị có một con chung là cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 28/12/2007, hiện nay cháu **Bảo A** đang sinh sống với bà **Trịnh Thị Q** (bà ngoại). Khi ly hôn, anh **N** nhất trí giao cháu **Nguyễn Bảo A** cho chị **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu **Nguyễn Bảo A**, do chị **L** đang ở nước ngoài nên giao cháu **Nguyễn Bảo A** cho bà **Q** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị **L** về nước là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **N** đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, do anh **N** và chị **L** không thoả thuận được với nhau về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để quyết định mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Bảo A** số tiền là 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 14/8/2024 đến khi cháu **Nguyễn Bảo A** đủ 18 tuổi đối với anh **Nguyễn Văn N**.

[5] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh **N** không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình và cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm: Anh **Nguyễn Văn N** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa anh **Nguyễn Văn N** và chị **Nguyễn Thị L**.
2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Bảo A**, sinh ngày 28/12/2007 cho chị **Nguyễn Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu **Bảo A** đủ 18 tuổi và lao động tự lập được. Buộc anh **Nguyễn Văn N** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Bảo A** với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ ngày 14/8/2024 cho đến khi cháu **Nguyễn Bảo A** đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu **Nguyễn Bảo A** cho bà **Trịnh Thị Q** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu **Nguyễn Bảo A** đến khi chị **Nguyễn Thị L** hết hạn lao động tại Đài Loan trở về Việt Nam thì bà **Q** có trách nhiệm giao lại cháu **Bảo A** cho chị **L** nuôi dưỡng theo quy định. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung : Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000028 ngày 13/3/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam được đối trừ khi thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Thanh Tuyên;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn

